TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2026/HC - PT
Ngày: 06-3-2026
V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Nguyệt Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 48/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 4 năm 2023 về *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án hành chính số 394/2025/QĐPT-HC ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Võ Văn H, sinh năm: 1962; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M' Đrắk, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk); có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Văn H*:* ông Nguyễn Tiến T; địa chỉ: C N, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk); có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M1' Đrắk, tỉnh Đắk Lắk;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị T1, sinh năm: 1964; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1987;

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1947;

- Bà Cao Thị T3, sinh năm: 1947;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M' Đrắk, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk).

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1978. Địa chỉ: K, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là K, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Đại diện theo ủy quyền của ông T2*, ông* Đ*, bà* T3*:* ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1978; địa chỉ: K, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là K, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Đình Đ1*:* ông Ngô Đình K. Địa chỉ: C L, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là C L, phường B, tỉnh Đắk Lắk).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cao Thị T3*:* ông Đặng T4; địa chỉ: A A, phường T, TP ., tỉnh Đắk Lắk (nay là A A, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Võ Văn H**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung tóm tắt theo trình bày của đương sự:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người khởi kiện trình bày:*

Vào tháng 1/1999 vợ chồng tôi có nhận sang nhượng của ông Đ1, bà T3 thửa đất diện tích 120m^2 (rộng 6m, dài 20m) nhưng các bên thỏa thuận trừ ra l,5m sát mép mương nước vì sợ sói mòn và 0,5m chiều rộng sau khi tôi làm nhà (như vậy trừ ra 2m). Do đó, thực tế nhận chuyển nhượng là 160m^2 (rộng 8m, dài 20m), giá chuyển nhượng 12.000.000đồng. Khi chuyển nhượng chúng tôi lập giấy chuyển nhượng nhà ở và đất thổ cư ngày 1/1/1999. Sau đó gia đình tôi đã trả đủ tiền cho gia đình ông Đ1, nhận đất và dựng 1 quán gỗ để buôn bán.

Ngày 21/7/2009 chúng tôi tiếp tục nhận sang nhượng thửa đất có diện tích 13 8m^2 (rộng 6m, dài 23m) liền kề với thửa đất mua năm 1999. Khi chuyển nhượng chúng tôi có lập giấy sang nhượng đất với giá 84.000.OOOđồng. Chúng tôi đã trả tiền thành các lần như sau: lần 1 sau khi lập giấy sang nhượng trả 20.000.000 đồng, lần 2 trả 44.000.000 đồng; lần 3 khấu trừ vào số nợ anh T5 là con trai của ông Đ1 số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng thì ông Đ1 lấy phân 850.000 đồng, bà T3 lấy 1.000.000 đồng chỉ còn nợ lại 3.150.000 đồng, khi nào làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho tôi thì tôi sẽ thanh toán hết.

Thời điểm chúng tôi nhận sang nhượng đất của ông Đ1, bà T3 đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Sau khi nhận sang nhượng đất, chúng tôi có liên hệ UBND xã nhiều lần để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ nhưng đều trả lời đất chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ do có tranh chấp.

Ngày 24/11/2011 UBND xã E có lập biên bản làm việc hòa giải về việc tranh chấp đất đai giữa gia đình tôi với gia đình ông T2. Do không am hiểu pháp luật và

vì chúng tôi cũng muốn hòa giải để giữ tình cảm hàng xóm, chúng tôi thống nhất ông T2 không kiện cáo về việc mua bán, sang nhượng diện tích đã bán cho chúng tôi, sau khi nhận được GCNQSDĐ ông T2 có trách nhiệm sang nhượng đất cho gia đình tôi theo đúng giấy tờ hai bên đã sang nhượng.

Vào khoảng tháng 7/2020 tôi mới được biết UBND huyện M' Đrắk đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M tại GCNQSDĐ số BT 441041, thửa đất 623, 623a vào ngày 29/5/2015 bao gồm cả phần diện tích vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của gia đình ông Đ1. Cho đến nay gia đình ông T2 không thực hiện làm thủ tục sang nhượng quyền sử dụng đất cho chúng tôi như cam kết mà lại sang nhượng toàn bộ diện tích đất ở cả hai thửa trong đó có cả diện tích gia đình tôi đang quản lý, sử dụng, làm nhà ở cho ông Nguyễn Văn C và đã được thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Nguyễn Văn C tại mặt sau của GCNQSDĐ số BT 441041.

Nguồn gốc đất do gia đình tôi nhận sang nhượng, sử dụng, làm nhà ở ổn định từ năm 1999 mà UBND huyện M' Đrắk lại cấp cho người khác tôi không đồng ý. Đề nghị Tòa án tuyên hủy quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND huyện M' Đrắk về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M đối với thửa đất 623a, hủy GCNQSDĐ số BT 441041 do UBND huyện M' Đrắk cấp ngày 29/5/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M thửa 623, 623a đã thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 22/02/2018.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện M'Đrắk – nay là* UBND xã E *trình bày:*

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Lô Thị M, địa chỉ Thôn A, xã E, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk.

a) Đối với thửa 623 tờ bản đồ 27 đo đạc năm 1998 xã E.

Ngày 12/5/2010 ông Nguyễn Văn T2 làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đối với thửa số 623 tờ bản đồ 27 diện tích 6.895 m^2, được Hội đồng xét duyệt đất đai của xã E xét duyệt ngày 21/5/2010 và thông báo danh sách công khai đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất (tại thời điểm niêm yết công khai đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận không nhận được kiến nghị, phản ánh) và ngày 07/6/2010 UBND xã E có Tờ trình số 19/TT-UBND về việc đề nghị cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn T2 thửa số 623 tờ bản đồ 27 diện tích 6.895 m^2, mục đích sử dụng đất ở 400 m^2, đất trồng cây lâu năm 9.495 m^2. Đến ngày 15/7/2010 UBND huyện M'Đrắk có Quyết định số 1143/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BA 328367 vào sổ cấp giấy số CH 00346 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 tại thửa số 623 tờ bản đồ 27 diện tích 6.895 m^2, mục đích sử dụng đất ở 400 m^2, đất trồng cây lâu năm 9.495 m^2.

b) Đối với thửa đất 623a, tờ bản đồ 27 đo đạc năm 1998 xã E.

Nguồn gốc thửa số 623 a, tờ bản đồ 27 được UBND tỉnh Đ cấp GCN QSD đất cho công ty TNHH MTV C1 A tại Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 08/2/1999. (Trong năm 1999 và năm 2009 ông Đ1, ông H mua bán chuyển nhượng 1 phần diện tích thửa đất trên khi đất chưa giao trả về địa phương. Đốn ngày 23/12/2010 ông Nguyễn Văn T2 có đơn đề nghị giải quyết việc lấn chiếm đất. Vụ việc được UBND xã E tổ chức hòa giải kết quả không thành ông Nguyễn Văn T2 khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk. Ngày 06/9/2011 Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk có Quyết định số 16/2011/QĐST-DS về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, nguyên nhân do nguyên đơn rút đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận). Đến ngày 16/9/2011 UBND tỉnh Đ có Quyết định số 2418/QĐ-UBND thu hồi của Công ty TNHH MTV C1 A giao cho UBND huyện M'Drak quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Ngày 04/9/2011 ông Nguyễn Văn T2 làm Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 623 a, tờ bản đồ 27 diện tích 1.817 m^2 mục đích trồng cây lâu năm; ngày 27/9/2011 Hội đồng xét duyệt đất đai của xã E xét duyệt thông báo công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất *(tại thời điểm công khai không có kiến nghị, phản ảnh gì; ngày 24/11/2011* UBND xã E *có Biên bản làm việc với hộ ông* T2 *(Bố là ông* Đ1*) và hộ ông* H *thống nhất khi cấp giấy chứng nhận cho ông* T2 *phải có trách nhiệm làm hồ sơ thủ tục sang nhượng cho ông* H *theo quy định, nếu hộ nào làm sai nội dung thỏa thuận thì phải chịu trách nhiệm).* Ngày 27/9/2011 UBND xã E có Tờ trình số 21/TT-UBND về việc đề nghị cấp GCN QSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn T2 thửa số 623 a, tờ bản đồ 27 diện tích 1.817 m^2 mục đích đất trồng cây lâu năm. Đến ngày 12/4/2012 UBND huyện M1'Đrắk có Quyết định số 757/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BA 474994 vào sổ cấp giấy số CH 00143 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 tại thửa số 623a tờ bản đồ 27 diện tích 1.817 m^2, mục đích đất trồng cây lâu năm.

1. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn T2 cho ông Nguyễn Văn B, địa chỉ thôn A, xã E.

Ngày 06/3/2015 ông Nguyễn Văn T2 có lập họp đồng chuyển nhượng diện tích 430 m^2 tại thửa số 623b tờ bản đồ 27 (tách ra từ thửa số 623a, tờ bản đồ 27) và chuyển nhượng diện tích 590 m^2 tại thửa số 623c, tờ bản đồ 27 (tách ra từ thửa đất số 623 tờ bản đồ 27) cho ông Nguyễn Văn B sử dụng. Sau khi ông Nguyễn Văn T2 chuyển nhượng QSD đất, diện tích còn lại được UBND huyện M1'Đrắk cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất số BT 441041, ngày 29/5/2015 thửa số 623 tờ bản đồ 27, diện tích 6.305 m^2 (đất ở 300 m^2, đất lâu năm 6.005 m^2), thửa số 623a tờ bản đồ 27 diện tích 1.387 m^2 đất trồng cây lâu năm. Đối với ông Nguyễn Văn B nhận chuyển nhượng QSD đất được UBND huyện M1'Đrắk cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BT 441040 ngày 29/5/2015 tại thửa số 623c tờ bản đồ 27 diện tích 590

m^2 (đất ở 100 m, đất lâu năm 490 m), thửa số 623b tờ bản đồ 27 diện tích 430 m^2 đất trồng cây lâu năm.

1. Về hiện trạng đất và quy hoạch sử dụng đất.

- Về hiện trạng đất: Đối với thửa 623a tờ bản đồ 27 diện tích 1.387 m^2 hiện trạng hộ ông Võ Văn H đang sử dụng diện tích khoảng 335 m^2 vào mục đích làm nhà ở, làm quán và công trình phụ. Diện tích còn lại 1.052 m^2 hộ ông Nguyễn Văn T2 đang sử dụng vào mục đích trồng Keo; đối với thửa số 623 tờ bản đồ 27 diện tích 6.305 m ông Nguyễn Văn T2 đang sử dụng trồng Keo.
- Về quy hoạch sử dụng đất: Căn cứ bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện M'Đrắk được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2019 thửa số 623, 623a tờ bản đồ 27 được quy hoạch đất ở nông thôn.

1. Ý kiến của UBND huyện M1'Đrắk.

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Văn T2 tại giấy chứng nhận số BA 328367, ngày 15/7/2010 thửa số 623 tờ bản đồ 27 diện tích 6.895 m^2 và cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BA 474994, ngày 12/4/2012 thửa số 623a tờ bản đồ 27 diện tích 1.817 m^2 được Hội đồng tư vấn đất đai xã E xét duyệt, công khai kết quả xét duyệt đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND xã E đề nghị cấp giấy chứng nhận và được UBND huyện M'Đrắk quyết định cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo trình tự quy định tại Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.
- Thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSD đất ông Nguyễn Văn T2 sau khi đã chuyển nhượng một phần diện tích cho hộ ông Nguyễn Văn B, giấy chứng nhận số BT 441041, ngày 29/5/2015 thửa số 623 tờ bản đồ 27 diện tích 6.305 m^2, thửa số 623a tờ bản đồ 27 diện tích 1.387 m^2 được thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.
- Đối với một phần diện tích tại thửa số 623a, tờ bản đồ 27, các ngày 01/01/1999, 01/7/2009,15/9/2009 ông Nguyễn Văn Đ (Bố của ông Nguyễn Văn T2) chuyển nhượng bằng giấy tờ viết tay cho ông Võ Văn H lúc này đất còn thuộc Công ty TNHH MTV C2 quản lý chưa thu hồi giao cho địa phương quản lý, chưa có Giấy chứng nhận QSD đất là chưa đủ điều kiện được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 30 Luật Đất đai 1993; Điều 106 Luật Đất đai 2003, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Ngày 24/11/2011 UBND xã E có Biên bản làm việc với hộ ông T2 (Bố là ông Đ) và hộ ông Võ Văn H để giải quyết việc mua bán chuyển nhượng đất, đã thống nhất *"sau khi cấp giấy chứng nhận cho ông* T2 *phải có trách nhiệm làm hồ sơ thu tục sang nhượng cho ông* H *theo quy định, nếu hộ nào làm sai nội dung thỏa thuận thì phải chịu trách nhiệm"* ngày 13/3/2012 tại UBND

xã E hộ ông T2 và hộ ông H thỏa thuận có bản cam kết không tranh chấp về đất đai. Đến ngày 12/4/2012 UBND huyện M1'Đrắk đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Văn T2 nhưng ông T2 không làm thủ tục tách thửa chuyển nhượng cho ông H theo cam kết.

Như vậy, việc cấp Giấy chúng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M được thực hiện theo đúng trình tự quy định, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSD đất các hộ đã có cam kết không tranh chấp, không phát sinh đơn thư khiếu nại, kiến nghị liên quan đến việc cấp GCN QSD đất. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận QSD đất ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm chuyển nhượng cho ông Võ Văn H theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay việc ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M không thực hiện chuyển nhượng QSD đất cho ông Võ Văn H là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là nội dung khác.

1. Đối với việc chuyển nhượng đất từ hộ ông Nguyễn Văn T2 cho ông Nguyễn Văn C:

Ngày 23/01/2018 ông Nguyễn Văn T2 lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C toàn bộ diện tích tại thửa đất 623, 623 a, tờ bản đồ số 27, tại GCNQSDĐ số BT 441041 đã được UBND xã E chứng thực hợp đồng ngày 23/01/2018, được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M'Đrắk xác nhận nội dung biến động vào trang 4 GCNQSDĐ vào ngày 22/02/2018.

Quan điểm của UBND huyện M1' Đrắk: Việc hộ ông T2 chuyển nhượng diện tích còn lại của thửa 623, 623a, tờ bản đồ số 27 cho ông C trong đó bao gồm cả phần diện tích ông H đang sử dụng, có giấy tờ mua bán là không đúng quy định, đất còn đang có người khác sử dụng chưa được giải quyết. Do đó, diện tích không đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1, Điều 188 Luật đất đai.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà* Trần Thị T1 *trình bày:* Tôi nhất trí như ý kiến trình bày của ông Võ Văn H. Đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND huyện M1'Đrắk về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M thửa đất số 623a, hủy GCNQSDĐ số BT 441041 do UBND huyện M' Đrắk cấp ngày 29/5/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M đã thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 22/02/2018.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông* Nguyễn Văn C*, đồng thòi là đại diện theo ủy quyền của ông* Nguyễn Văn T2*, ông* Nguyễn Văn Đ*, bà* Cao Thị T3 *trình bày:*

Ông Đ và bà T3 sử dụng đất tại thôn A, xã E có nguồn gốc khai hoang từ năm 1979 sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 1999 ông Đ, bà T3 có chuyển nhượng 1 lô đất cho ông H bà T1, đến năm 2009 tiếp tục chuyển nhượng thêm 1 thửa đất nữa theo như các giấy sang nhượng đất trong tổng số diện tích đất khai hoang. Tổng cộng diện tích chuyển nhượng 264m^2 với chiều rộng 12m, chiều

ngang 22m, số tiền chuyển nhượng 84.000.000đồng, gia đình bà T1 đã thanh toán 64.000.000đồng còn nợ lại 20.000.000đồng. Sau khi chuyển nhượng đất gia đình ông H, bà T1 đã làm nhà ở và sử dụng đất từ năm 1999 nhưng lấn chiếm thêm 189 m^2 của gia đình ông Đ.

Sau đó ông Đ bà T3 có tặng cho quyền sử dụng đất còn lại cho ông T2 bà M (hiện nay ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M đã là thủ tục ly hôn, bà M đã làm thủ tục ủy quyền toàn bộ cho ông T2 về vấn đề đất đai) và giữa gia đình ông T2, bà T1 có xảy ra tranh chấp đất đai. Ngày 24/11/2011 hai bên gia đình thống nhất không khởi kiện rồi mới lên UBND xã E yêu cầu lập biên bản làm việc với nội dung gia đình bà T1 và ông T2 có thống nhất cho gia đình ông T2 làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 623a bao gồm cả phần phần diện tích đất gia đình bà T1 đang sử dụng, sau khi nhận Giấy chứng nhận QSDĐ ông T2 phải có trách nhiệm làm thủ tục sang nhượng cho gia đình bà T1 theo như giấy tờ các bên đang mua bán. Sau đó ông T2 bà M đã được UBND huyện M' Đrắk cấp GCNQSDĐ số BT 441041 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M vào ngày 29/5/2015. Tuy nhiên, các bên không thực hiện như cam kết vì gia đình bà T1 không thanh toán hết số tiền còn thiếu và không trả lại diện tích đất dư ra so với các Giấy tờ sang nhượng gia đình bà T1 và ông Đ, bà T3 đã ký kết.

Khoảng tháng 01/2018 tôi (Chính) có nhận chuyển nhượng thửa đất số 623, 623a của ông Nguyễn Văn T2. Khi nhận chuyển nhượng, ông T2 có thỏa thuận với tôi diện tích tôi nhận chuyển nhượng có một phần diện tích 264m^2 đã chuyển nhượng cho ông Võ Văn H, bà Trần Thị T1, nhưng do gia đình bà T1 chưa thanh toán tiền và lấn chiếm diện tích hơn 200m^2 nên chưa tách Bìa đỏ được. Khi nào gia đình ông H bà T1 trả lại diện tích đất lấn chiếm và thanh toán tiền thì tôi có nghĩa vụ tách bìa đối với diện tích đất đã chuyển nhượng cho gia đình ông H với diện tích 264m^2 tại thửa đất số 623a. Sau khi chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Văn T2 tôi đã làm thủ tục thay đổi cơ sở pháp lý tại trang 4 GCNQSĐ theo đúng quy định của pháp luật và được UBND huyện MĐrắk chấp nhận.

Hiện nay, ông H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BT 441041 do UBND huyện M' Đrắk cấp ngày 29/5/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M và đã thay đổi cơ sở pháp lý cho tôi vào ngày 22/02/2018, tôi không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho ông Nguyễn Văn T2 không đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật, đất đang có tranh chấp, đang do người khác quản lý sử dụng, cấp không đúng đối tượng sử dụng đất. Việc ủy ban xã E hướng dẫn các bên lập biên bản thỏa thuận đất không tranh chấp là không đúng pháp luật. Sau khi ông T2 được cấp GCNQSDĐ thì vẫn tiếp tục có tranh chấp nhưng ông T2 lại chuyển nhượng cho người khác là vi phạm pháp luật. Vì vậy, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ*, bà* T3 *tranh luận*: Hồ sơ cấp giấy đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật đất đai, trong thời gian thông báo công khai hồ sơ xin cấp GCNQSD đất tại xã E thì không có đơn thư khiếu nại gì. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông T2 thì vợ chồng ông H bà T1 cũng đã biết và còn ký thỏa thuận với gia đình ông T2 đất không không tranh chấp nên ông gia đình ông H hoàn toàn biết việc ủy ban nhân dân huyện M1' Đrăk cấp Giấy chứng nhận cho ông T2 vào thời điểm năm 2012 nhưng đến 2020 mới làm đơn khởi kiện thì cũng đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị HĐXX đình chỉ trả lại đơn khởi kiện.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a, khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, điểm b khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Điểm a khoản 4 Điều 95 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ƯBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND huyện M1'Đrắk về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M đối với thửa đất số 623a; yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BT 441041 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 29/5/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M đã thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 22/02/2018.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 12-3-2023 ông Võ Minh H1 kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm. Nêu lý do kháng cáo là căn nhà của ông đã làm từ năm 1999 trên đất của cha mẹ của ông T2 chuyển nhượng, ông đã trả tiền và được nhận đất để làm nhà, phần tiền còn lại một ít là để khi hoàn thành thủ tục hồ sơ cấp Bìa đỏ sang tên ông thì sẽ được giao đủ. Năm 2011, trên cơ sở ông T2 cam kết là sau khi được cấp Bìa đỏ trên toàn bộ các thửa đất, thì ông T2 sẽ lập thủ tục chuyển nhượng cho ông theo đúng quy định trên diện tích đất thực tế đã chuyển nhượng trước đây, và được chính quyền Xã lập biên bản bảo đảm, thì ông mới ký xác nhận không tranh chấp, nhưng thực tế là vẫn đang tranh chấp và không được giải quyết dứt điểm do sau này ông

T2 không lập thủ tục chuyển nhượng cho ông. Như vậy, việc ra quyết định và cấp Giấy chứng nhận cho ông T2 là vi phạm pháp luật, đề nghị huỷ bỏ.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Ông Võ Minh H1 giữ nguyên nội dung Đơn kháng cáo; có ý kiến cho rằng bản án sơ thẩm nhận định ông H1 đã đồng ý cấp Bìa cho ông T2, từ đó cho rằng việc cấp Bìa đỏ là không sai. Tuy nhiên, việc cấp bìa đỏ chỉ được hợp thức hoá khi ông T2 lập thủ tục chuyển nhượng phần diện tích đất đã bàn giao trước đây cho ông H1. Hiện nay, tranh chấp vẫn còn tồn tại là đất ông H1 sử dụng, có nhà ở ổn định, nhưng bìa đỏ đứng tên ông T2. Ông T2 không thực hiện đúng điều kiện thoả thuận khi lập hồ sơ cấp Giấy chưng nhận, nên việc cấp Giấy chứng nhận này phải bị huỷ bỏ do không đảm bảo đúng đối tượng sử dụng đất; không đúng diện tích mà ông T2 được sử dụng. Đề nghị huỷ bỏ Quyết định và Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông T2 thì mới giải quyết được tranh chấp.

- Ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều được đảm bảo, phù hợp với các quy định của pháp luật. Đây là phiên toà lần thứ hai từ khi có quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, người kháng cáo có mặt nên đề nghị Toà án tiến hành xét xử.

Về nội dung: Kháng cáo có căn cứ, đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Võ Văn H đề nghị Tòa án tuyên hủy quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND huyện M1'Đrắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận) cho ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M của thửa đất số 613a, hủy Giấy chứng nhận QSD đất số BT 441041 thửa 623, 623a do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 29/5/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M đã chỉnh lí sang tên cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 22/02/2018. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Võ Văn H kháng cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm, Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra Quyết định tạm đình chỉ số 05/2023/QĐ-PT ngày 13-9-2023. Đến ngày 01-8-2025 Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ do xét thấy không cần phải tạm đình chỉ vụ án. Đồng thời, Toà án nhân dân khu

vực 7- Đắk Lắk ra Thông báo số 66/2026/QĐST-DS ngày 12-02-2026 về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C theo đơn khởi kiện ngày 25-9-2021, khởi kiện ông Võ Văn H trong một vụ án dân sự.

[2] Các đương sự bao gồm người khởi kiện, người bị kiện và ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn C đều thừa nhận vào năm 1999 và năm 2009 thì ông H bà T1 đã nhận chuyển nhượng từ ông Đ bà T3 một diện tích đất, gia đình ông H đã làm nhà ở từ năm 1999. Diện tích đất theo ông T2 và ông C thừa nhận đã chuyển cho ông H là khoảng 264m^2 (12m x 22m). Sau này, ông Đ bà T3 đã tặng cho toàn bộ thửa 623A và thửa 623 cùng tờ bản đồ số 27 cho con trai là ông T2, bao gồm cả phần diện tích đất đã chuyển cho ông H năm 1999 và 2009. Ông T2 và ông H xảy ra tranh chấp.

[3] Đối với thửa đất số 623a, tờ bản đồ 27:

Thửa đất 623a, tờ bản đồ 27 được UBND tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ cho Công ty TNHH MTV C2. Ngày 16/9/2011 UBND tỉnh Đ có Quyết định thu hồi giao cho UBND huyện M1'Đrắk quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Ông Đ, bà T3 sử dụng đất trên thực tế từ năm 1978 và sang nhượng cho ông H bà T1 vào năm 1999 và năm 2009. Các bên đã giao nhận đất và ông H bà T1 đã làm nhà ở ổn định.

Hồ sơ tài liệu do UBND huyện M'Đrắk thể hiện: Ngày 04/9/2011 ông Nguyễn Văn T2 làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 623 a, tờ bản đồ 27 diện tích 1.817 m^2 mục đích trồng cây lâu năm.

Ngày 08/9/2011 Hội đồng xét duyệt đất đai của xã E xét duyệt thông báo công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ngày 27/9/2011 UBND xã E có Tờ trình số 21/TT-UBND về việc đề nghị cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn T2 thửa số 623a, tờ bản đồ 27 diện tích 1.817 m^2 mục đích đất trồng cây lâu năm.

Do có tranh chấp giữa ông T2 và hộ ông H nên ngày 24/11/2011 UBND xã E có Biên bản làm việc với hộ ông T2 (con ông Đ) và hộ ông Võ Văn H để giải quyết việc mua bán chuyển nhượng diện tích đất trước đây mà hiện nay ông H đang sử dụng, nhưng ông T2 kê khai luôn trong thửa đất để xin cấp Giấy chứng nhận QSD; hai bên đã thống nhất và lập biên bản có nội dung *"sau khi cấp giấy chứng nhận cho ông* T2 *phải có trách nhiệm làm hồ sơ thu tục sang nhượng cho ông* H *theo quy định, nếu hộ nào làm sai nội dung thỏa thuận thì phải chịu trách nhiệm";* trên cơ sở đó, ngày 13/3/2012 tại UBND xã E, hộ ông T2 đã ký thoả thuận không tranh chấp đất đai để hộ ông H làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận. Quá trình tham gia tố tụng các đương sự đều thừa nhận đã ký vào các Biên bản trên.

Như vậy, ông H bà T1 có nhận sang nhượng đất của ông Đ bà T3 và làm nhà ở trên một phần thửa đất số 623a trước khi hộ ông T2 được cấp GCNQSDĐ, nhưng

đã được các bên thỏa thuận thống nhất để cho ông T2 đứng tên trên GCNQSDĐ đối với toàn bộ diện tích tại thửa đất số 623a, tờ bản đồ số 27 bao gồm cả phần diện tích ông H, bà T1 làm nhà ở.

Đến ngày 12/4/2012 UBND huyện M1'Đrắk có Quyết định số 757/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BA 474994 vào sổ cấp giấy số CH 00143 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M tại thửa số 623a tờ bản đồ 27 diện tích 1.817 m^2, mục đích đất trồng cây lâu năm. Nhưng sau này ông T2 không thực hiện như cam kết là lập thủ tục chuyển nhượng phần diện tích đất cho ông H phần diện tích mà ông H nhận từ năm 1999 và năm 2009.

[4] Đối với thửa 623, tờ bản đồ 27 ngày 12/5/2010 ông Nguyễn Văn T2 làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tại thời điểm ông T2 xin cấp Giấy chứng nhận thì thửa đất xin cấp giấy chứng nhận cũng đang có tranh chấp với gia đình ông H. Tuy nhiên, trong quá trình làm thủ tục thì gia đình ông T2 và gia đình ông H đã có văn bản thỏa thuận về việc không tranh chấp để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử sự đất cho ông T2. Các bên có thỏa thuận sau khi được cấp Giấy chứng nhận thì gia đình ông T2 có nghĩa vụ tách thửa đối với phần đất ông H mua của ông Đ bà T3 để sang tên cho ông H. Ngày 15/7/2010 UBND huyện M1'Đrắk có Quyết định số 1143/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BA 328367 vào sổ cấp giấy số CH 00346 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 tại thửa số 623 tờ bản đồ 27 diện tích 6.895 m^2, mục đích sử dụng đất ở 400 m^2, đất trồng cây lâu năm 9.495m^2. Tuy nhiên, đến nay các bên vẫn chưa làm thủ tục sang tên cho nhau

[4] Ngày 06/3/2015 ông Nguyễn Văn T2 lập Hợp đồng chuyển nhượng diện tích 430m^2 tại thửa số 623b tờ bản đồ 27 (được tách ra từ thửa số 623a, tờ bản đồ 27) và chuyển nhượng diện tích 590 m^2 tại thửa số 623c, tờ bản đồ 27 (tách ra từ thửa đất số 623 tờ bản đồ 27) cho ông Nguyễn Văn B sử dụng. Hiện diện tích đất này ông B đã sử dụng ổn định, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này không liên quan đến phần đất tranh chấp với ông H, nên không liên quan và không ảnh hưởng gì trong vụ án.

[5] Sau khi ông Nguyễn Văn T2 chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông B, diện tích còn lại được UBND huyện M1'Đrắk cấp đổi thành Giấy chứng nhận QSD đất số BT 441041 ngày 29/5/2015 gồm thửa số 623 tờ bản đồ 27, diện tích 6.305 m^2 (đất ở 300 m^2, đất lâu năm 6.005 m^2) và thửa số 623a tờ bản đồ 27 diện tích 1.387 m^2 đất trồng cây lâu năm.

Ngày 23/01/2018 ông Nguyễn Văn T2 lập Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C toàn bộ thửa đất 623 và 623a, tờ bản đồ số 27, tại GCNQSDĐ số

BT 441041 đã được UBND xã E chứng thực hợp đồng ngày 23/01/2018, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M'Đrắk xác nhận nội dung biến động vào trang số 4 GCNQSDĐ.

Theo Bản vẽ hoàn công đo đạt về hiện trạng sử dụng đất ngày 22-5-2023 thì hiện nay khu nhà gia đình ông H bà T1 đang sử dụng nằm trên một phần của thửa đất 623 và thửa 623a cùng tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận số BT 441041.

[6] Như vậy, tại thời điểm lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2 năm 2012 thì đã có nhà của ông H trên đất, chưa được giải quyết dứt điểm, rõ ràng nhưng UBND huyện M'Đrắk có Quyết định số 757/QĐ- UBND về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BA 474994 vào sổ cấp giấy số CH 00143 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M tại thửa số 623a tờ bản đồ 27 diện tích 1.817 m^2 là chưa đủ điều kiện quy định về "*người sử dụng đất ổn định*" và "*đất không có tranh chấp*" theo quy định tại khoản 3 Điều 49, Điều 50 và Điều 106 của Luật Đất đai năm 2003. Do đó, cần phải huỷ phần Quyết định này để tạo điều kiện cho hộ ông T2 và hộ ông ông H giải quyết phân chia lại diện tích đất đã chuyển nhượng trước đây rõ ràng, từ đó thực hiện lại các thủ tục đăng ký kê khai đất đai theo đúng quy định và đúng diện tích. Đối với phần đất đã chuyển nhượng cho ông B, thì do không liên quan đến phần diện tích đất tranh chấp, nên phần đất ông B nhận chuyển nhượng vẫn có hiệu lực riêng, do đã tách thành một thửa đất riêng để chuyển nhượng.

Đến nay thì Giấy chứng nhận QSD đất số BA 474994 đã được thay thế bằng GCNQSDĐ số BT 441041 ngày 29/5/2015. Cả 02 thửa đất 623 và 623a trên Giấy chứng nhận này đang có tranh chấp với ông Võ Văn H nhưng vào năm 2018 ông T2 vẫn chuyển nhượng cho ông C là không đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Luật đất đai 2013. Quan điểm của người bị kiện là UBND huyện M' Đrắk (cũ) cũng thừa nhận "*việc hộ ông* T2 *chuyển nhượng diện tích còn lại của thửa 623, 623a, tờ bản đồ số 27 cho ông* C *trong đó bao gồm cả phần diện tích ông* H *đang sử dụng, có giấy tờ mua bán là không đúng quy định, đất còn đang có người khác sử dụng chưa được giải quyết. Do đó, diện tích không đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1, Điều 188 Luật đất đai"*. Ông C khi nhận chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất cũng đã được Chủ đất thông báo đang có tranh chấp với ông H, thừa nhận ông H đang sử dụng khoảng 264m2 đất. Do đó, yêu cầu của người khởi kiện đề nghị huỷ Giấy chứng nhận QSD đất số BT 441041 ngày 29/5/2015, bao gồm cả nội dung chỉnh lí biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn C là có cơ sở, cần được chấp nhận để các bên đương sự có điều kiện xác định lại các diện tích đất mà mình có cơ sở sử dụng hợp lí. Việc xác định

rõ diện tích đất mỗi người được sử dụng bao nhiêu phải dựa theo giao dịch chuyển nhượng và được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có tranh chấp.

[7] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy cần chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; huỷ phần Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 Ủy ban nhân dân huyện M1'Đrắk (*đối với phần diện tích đất còn lại liên quan đến ông* T2*, ông* C*, ông* H), huỷ GCNQSDĐ số BT 441041 ngày 29/5/2015 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M đối với thửa đất số 623a, 623, sau đó ông T2 sang nhượng thửa 623, 623a cho ông C và được Chi nhánh văn phòng Đ2'Đrắk xác nhận nội dung biến động vào trang 4 GCNQSDĐ vào ngày 22/02/2018;

Về án phí hành chính sơ thẩm Ủy ban nhân dân huyện M1'Đrắk, nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk phải chịu là 300.000 đồng.

Án phí hành chính phúc thẩm ông Võ Văn H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Văn H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 28-02-2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 49, Điều 50 và Điều 106 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 188 Luật đất đai 2013.Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H:

Tuyên hủy Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND huyện M1'Đrắk về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M đối với thửa đất số 623a; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 441041 cấp ngày 29/5/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Lô Thị M đã thay đổi cơ sở pháp lý, chỉnh lí sang tên cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 22/02/2018.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 348, khoản 2 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Ủy ban nhân dân huyện M1'Đrắk, nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ông Võ Văn H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ IV-TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long